

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS- ST

Ngày: 18/8/2025

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến;
2. Ông Phan Đức Lý;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một Thành Viên T;

Địa chỉ: P - 05, tầng A S, F L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Bích H – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh T – Chức vụ: Nhân viên phòng thu hồi nợ (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu vắng mặt);

Địa chỉ: P - E, tầng A S, F L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Phạm Quốc D, sinh năm 1969 và bà Phan Thị Thu V, sinh năm 1973 (Ông D có mặt, bà V vắng mặt);

Địa chỉ: H, thôn C, xã H, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Ngô Minh T trình bày có nội dung:

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V có giao kết Hợp đồng tín dụng số 100022209 với công ty TNHH Một Thành Viên T để vay với số tiền: 586.000.000 đồng; Mục đích của khoản vay: Mua xe ô tô Toyota Corolla Số khung: RL4BU3HEXH7516482, số máy: 2ZRY443041, BKS: 51G52726. Đồng thời, chiếc xe này là tài sản được Bên vay thế chấp tại Bên cho vay trong suốt thời hạn vay để bảo đảm cho khoản vay nêu trên. Thời hạn vay: 84 Lãi suất vay: 4.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng này là 10.75%/năm. Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán. Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, Bên Vay chỉ thanh toán cho công ty TNHH Một Thành Viên T đến kỳ tháng 06/2018. Bên Vay đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù công ty TNHH Một Thành Viên T1 liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm để công ty xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng Bên Vay vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, hành vi vi phạm Hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho công ty TNHH Một Thành Viên T trong hoạt động kinh doanh của mình;

Bên Vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô – một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số 100022209 Căn cứ theo Điều 12 Tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô - Hợp đồng tín dụng số 100022209 công ty TNHH Một Thành Viên T có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc Bên Vay có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng cho công ty TNHH Một Thành Viên T;

Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TNHH Một Thành Viên T, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Quốc D Phan Thị Thu V thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ công ty TNHH Một Thành Viên T tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 1.102.021.315 đồng, trong đó nợ gốc là 507.166.663 nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng, nợ lãi quá hạn là 401.340.115 đồng; và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Phạm Quốc D Phan Thị Thu V thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu;

Trường hợp ông Phạm Quốc D Phan Thị Thu V không thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu của công ty TNHH Một Thành Viên T được chấp thuận thì buộc kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bên Vay là 01 xe ô tô Toyota Corolla Số khung: RL4BU3HEXH7516482, số máy: 2ZRY443041, BKS: 51G52726 căn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Quốc D bà Phan Thị Thu V;

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Quốc D trình bày có nội dung:

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V có giao kết Hợp đồng tín dụng số 100022209 công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính T2 để vay với số tiền 586.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Corolla Số khung: RL4BU3HEXH7516482, số máy: 2ZRY443041, BKS: 51G52726. Đồng thời, chiếc xe này là tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nêu trên. Thời hạn vay: 84 Lãi suất vay: 4.99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng này là 10.75%/năm; lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán;

Quá trình vay vốn, vợ chồng ông D đã thanh toán cho công ty TNHH Một Thành Viên T1 được 10 kỳ, đến kỳ tháng 06/2018 thì gia đình làm ăn kinh doanh thất bại, kinh tế thua lỗ nên vợ chồng ông không thực hiện đúng theo cam kết với bên cho vay. Đến nay mặc dù đã quá hạn hợp đồng nhưng vợ chồng ông vẫn chưa thanh toán dứt điểm khoản tiền trên được;

Nay công ty TNHH Một Thành Viên T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 18/8/2025 là 1.102.021.315 đồng, trong đó nợ gốc là 507.166.663 đồng, nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng, nợ lãi quá hạn là 401.340.115 đồng; ngoài ra còn phải chịu tiền lãi phát sinh tương ứng theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản tiền trên; thì vợ chồng ông xác nhận có nợ ngân hàng khoản tiền trên. Tuy nhiên vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông xin được trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và xin không trả lãi vì không có khả năng trả;

Vợ chồng ông đồng ý giao xe ô tô đã thế chấp cho công ty TNHH Một Thành Viên T để cầm trả nợ, tuy nhiên công ty TNHH Một Thành Viên T phải xóa hết khoản nợ cho vợ chồng ông. Nếu không được, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

3. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Thu V trình bày có nội dung:

Bà V đồng ý với ý kiến của ông D. Vợ chồng bà xác nhận có nợ ngân hàng khoản tiền như ngân hàng khởi kiện. Tuy nhiên vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà xin được trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và xin không trả lãi vì không có khả năng trả. Vợ chồng bà đồng ý giao xe ô tô đã thế chấp cho công ty TNHH Một Thành Viên T, tuy nhiên công ty TNHH Một Thành Viên T phải xóa hết khoản nợ cho vợ chồng bà. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các

quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn bà Phan Thị Thu V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V ký kết hợp đồng tín dụng số 100022209 vay của công ty TNHH Một Thành Viên T để vay số tiền 586.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Corolla số khung: RL4BU3HEXH 7516482; số máy: 2ZRY443041; biển kiểm soát 51G-527.26; Thời hạn vay: 84 Trả lãi và gốc thành 84 kỳ, mỗi kỳ 6.976.191 đồng; Lãi suất vay: 4.99%/năm, lãi suất được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng là 10.75%/năm; lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng tính đến ngày 18 tháng 8 năm 2025 ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V vẫn còn nợ công ty TNHH Một Thành Viên T tổng cộng 1.102.021.315 đồng, trong đó nợ gốc là 507.166.663 nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng, nợ lãi quá hạn là 401.340.115 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do đó Công ty TNHH MTV T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ; trường hợp bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho công ty TNHH Một Thành Viên T thì công ty TNHH Một Thành Viên T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 220; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T đối với bị đơn Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V. Buộc bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/8/2025 là 1.102.021.315 đồng, trong đó nợ gốc là 507.166.663 nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng, nợ lãi quá hạn là 401.340.115; và lãi suất phát sinh kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bị đơn ông Phạm

Quốc D và bà Phan Thị Thu V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V có nơi cư trú tại số nhà H, thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, này là 82, thôn C, xã H, tỉnh Đắk Lắk; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phan Thị Thu V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn bà Phan Thị Thu V là phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V ký kết hợp đồng tín dụng số 100022209 để vay của công ty TNHH Một Thành Viên T để vay số tiền 586.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Corolla số khung: RL4BU3HEXH 7516482; số máy: 2ZRY443041; biển kiểm soát 51G-527.26; Thời hạn vay: 84Trả lãi và gốc thành 84 kỳ, mỗi kỳ 6.976.191 đồng; Lãi suất vay: 4.99%/năm, lãi suất được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi suất áp dụng là 10.75%/năm; lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng tính đến ngày 18 tháng 8 năm 2025 ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V vẫn còn nợ công ty TNHH Một Thành Viên T tổng cộng 1.102.021.315 đồng, trong đó nợ gốc là 507.166.663nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng, nợ lãi quá hạn là 401.340.115 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ;

Do đó công ty TNHH Một Thành Viên T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở chấp nhận;

Xét hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V và công ty TNHH Một Thành Viên T là hoàn toàn tự nguyện; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu

lực pháp luật; Do đó trường hợp bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho công ty TNHH Một Thành Viên T thì công ty TNHH Một Thành Viên T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ;

Nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do đó nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được nhận lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi cơ quan thi hành án dân sự thu được của bị đơn Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V;

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí của số tiền 1.102.021.315 đồng là: 36.000.000 đồng + 0,3% (1.102.021.315 đồng – 8.000.000.000 đồng) = 45.060.639 đồng, làm tròn thành 45.061.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng);

Nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; được nhận lại 21.345.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà công ty TNHH Một Thành Viên T đã nộp theo biên lai thu số 0000611 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nay là Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 1, tỉnh Đắk Lắk;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 220; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T3;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T đối với bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V;

Buộc bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.102.021.315 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ hai triệu không trăm hai mươi một nghìn ba trăm mười lăm đồng*); trong đó, nợ gốc là 507.166.663 đồng (*Năm trăm lẻ bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*), nợ lãi trong hạn là 193.514.537 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*), nợ lãi quá hạn 401.340.115 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu ba trăm bốn mươi nghìn một trăm mười lăm đồng*);

Bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V còn phải chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi trả xong nợ gốc; Lãi suất được tính theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 100022209 ngày 31/10/2022 giữa ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V và công ty TNHH Một Thành Viên T;

Sau khi ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V trả xong khoản nợ trên thì công ty TNHH Một Thành Viên T có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V tài sản đã thế chấp là: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335667 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H cấp ngày 19/12/2017 đứng tên ông Phạm Quốc D (Bản chính);

Trường hợp bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota; số loại Corolla; Toyota Corolla Số khung: số khung: RL4BU3HEXH 7516482; số máy: 2ZRY443041; biển kiểm soát 51G-527.26; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335667 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H cấp ngày 19/12/2017 đứng tên ông Phạm Quốc D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ;

Nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được nhận lại 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi cơ quan thi hành án dân sự thu được của bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V;

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phạm Quốc D và bà Phan Thị Thu V phải chịu 45.061.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn công ty TNHH Một Thành Viên T được nhận lại 21.345.000 đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà công ty TNHH Một Thành Viên T đã nộp theo biên lai thu số 0000611 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; nay là Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 1, tỉnh Đắk Lắk;

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực 1;
- P. THADS Khu Vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

